

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO YÊN  
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 7 năm 2020

*(V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Quang Đại.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Côn;
2. Bà Đinh Thị Út.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Phan Quốc Vương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Hoàng Thị Trịnh - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14 /QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1991;

Trú tại: Bản B, xã Kim S , huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** anh Hoàng Văn Đ - sinh năm 1988;

Trú tại: Bản B, xã Kim S, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 7 năm 2009, tại UBND xã Kim S, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T và anh Đ không tìm hiểu kỹ dẫn đến sau khi đăng ký kết hôn chung sống với nhau anh chị không có tiếng nói chung trong cách làm ăn kinh tế, nuôi dạy con chung. Giữa anh chị thường xuyên cãi chửi nhau, đến khoảng năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn. Sự việc đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, từ cuối năm 2018 đến nay chị T và anh Đ đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không thể tiếp tục chung sống chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đ.

Về con chung chị T và anh Đ sinh được 03 người con chung:

1. Cháu Hoàng Bảo K - sinh ngày 04 tháng 5 năm 2009;
2. Cháu Hoàng Ánh N - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2012;
3. Cháu Hoàng Thu N - Sinh ngày 27 tháng 7 năm 2014.

Hiện nay các cháu đang chung sống cùng anh Đ.

Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng Cháu Hoàng Thu N, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn Đ: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ và tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Đ nhưng anh Đ không có văn bản trả lời và cũng không đến tòa án làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân nhận xét và đề nghị Hội đồng xét xử:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

- Về con chung: Giao các cháu Hoàng Bảo K - sinh ngày 04 tháng 5 năm 2009 và cháu Hoàng Ánh N - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2012 cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Giao cháu Hoàng Thu N sinh ngày 27 tháng 7 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét đề cập.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Hoàng Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn Đ kết hôn ngày 27/7/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Sơn, huyện Bảo Yên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh Đ thường xuyên uống rượu không tu chí làm ăn, chị góp ý anh Đ nhưng không nghe, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Từ cuối năm 2018 đến nay anh chị sống ly thân với nhau, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Chị Nguyễn Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ. Như vậy cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Hoàng Bảo K, sinh ngày 04/5/2009 được sinh ra trong thời gian trước khi chị T và anh Đ kết hôn, nhưng tại trích lục giấy khai sinh (bút lục 10) và tại sổ hộ khẩu gia đình (bút lục 05-08) đều xác định cháu Kim có bố là anh Hoàng Văn Đ, ngoài ra chị T và anh Đ không cung cấp chứng cứ tài liệu nào khác, do vậy xác định quá trình chung sống anh chị có 03 chung là cháu Hoàng Bảo K, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2009; Cháu Hoàng Ánh N, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2012; Cháu Hoàng Thu N, Sinh ngày 27 tháng 7 năm 2014. Các cháu hiện nay đang sinh sống cùng anh Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập được chứng cứ anh Đ làm nghề thợ xây có mức thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/01 tháng, chị T làm thuê thu nhập 4.000.000 đồng đến 5.000.0000 đồng/ 01 tháng. Tại phiên tòa chị T khai thêm gần đây công việc không ổn định nên thu nhập của chị chỉ khoảng 3.000.000 đồng/01 tháng. Chị T và anh Đ đều đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, chị T có thu nhập thấp hơn anh Đ. Trong biên bản lấy ý kiến của các cháu Hoàng Bảo K và Hoàng Ánh N đều có nguyện vọng được sống cùng anh Đ sau khi anh chị ly hôn. Vì vậy cần giao các cháu Hoàng Bảo K - sinh ngày 04 tháng 5 năm 2009 và cháu Hoàng Ánh N - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2012 cho anh

Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Hoàng Thu N sinh ngày 27 tháng 7 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

### **2. Về con chung:**

Giao các cháu Hoàng Bảo K - sinh ngày 04 tháng 5 năm 2009 và cháu Hoàng Ánh N - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2012 cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Giao cháu Hoàng Thu N, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T và anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

### **3. Về án phí:**

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên

lai số 0001744 ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Kim S;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ (2)- TA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Quang Đại**